

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU TRÁI CÂY VIỆT NAM KHI THAM GIA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – LIÊN MINH CHÂU ÂU

Đặng Kim Khôi¹, Lê Thị Hà Liên¹,

Bùi Thị Việt Anh¹, Phạm Đức Thịnh¹

TÓM TẮT

Trong hai năm 2016 và 2017, ngành trái cây Việt Nam đã có những bước phát triển đột phá đáng ghi nhận khi góp phần đưa ngành rau quả lần đầu tiên vượt qua lúa gạo và dầu khí về kim ngạch xuất khẩu (ở mức khoảng 3,5 tỷ USD). Mặc dù vậy, phần lớn thị phần xuất khẩu trái cây của Việt Nam vẫn phụ thuộc vào Trung Quốc (chiếm 75%) – một thị trường bấp bênh, nhiều rủi ro và có giá trị thấp. Trong khi đó, Liên minh châu Âu (EU) là một thị trường lớn nhiều tiềm năng, có nhu cầu đặc biệt lớn về trái cây nhiệt đới nhưng hiện nay giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này vẫn còn thấp, chỉ chiếm khoảng 5% tổng kim ngạch. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) là một hiệp định thương mại thế hệ mới hướng tới mục tiêu cốt lõi nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh và đầu tư giữa Việt Nam và EU thuận lợi hơn, đặc biệt tạo ra nhiều cơ hội và đi kèm với một số rủi ro, thách thức cho xuất khẩu trái cây của Việt Nam. Cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế từ EVFTA sẽ tạo cơ hội mở rộng xuất khẩu trái cây Việt Nam sang EU. Tuy nhiên, trái cây Việt Nam cũng sẽ đứng trước thách thức lớn từ các rào cản kỹ thuật về chất lượng, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, các yêu cầu về lao động và môi trường, v.v... Sử dụng phương pháp tổng quan, rà soát các cam kết của hiệp định, kết hợp phân tích thống kê mô tả các số liệu thứ cấp về sản xuất và thương mại trái cây và tham vấn chuyên gia, nghiên cứu này chỉ rõ thực trạng xuất khẩu trái cây Việt Nam sang thị trường EU chưa khai thác hết tiềm năng của thị trường này. Tuy nhiên, để tận dụng được các dự địa xuất khẩu, các doanh nghiệp và nhà sản xuất Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức về mặt vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định khác của EU trong khuôn khổ hiệp định EVFTA. Từ đó, nhóm tác giả cũng đã đưa ra một số gợi ý chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhà hoạch định chính sách và người sản xuất tận dụng cơ hội và hạn chế thách thức để thúc đẩy xuất khẩu trái cây sang EU trong giai đoạn tới.

Từ khóa: *Xuất khẩu trái cây, EVFTA, cơ hội, thách thức.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) là một hiệp định thương mại thế hệ mới, trong đó thiết lập nền tảng thể chế với các quy tắc, quy định và giá trị chung về các khía cạnh của thương mại và đầu tư, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa Việt Nam và EU. Khi có hiệu lực, Hiệp định sẽ mở ra những cơ hội thương mại và đầu tư mới giữa Việt Nam và 28 quốc gia thành viên (do Vương quốc Anh và Bắc Ailen vẫn đang trong giai đoạn đàm phán để rút ra khỏi liên minh EU, dự kiến hoàn thành vào tháng 3/2019, nên trong nghiên cứu này vẫn phân tích EU bao gồm 28 thành viên, trong đó có Anh và Bắc Ai Len) của thị trường chung châu Âu (EU), kích thích tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Theo dự

báo của Dự án EU – MUTRAP về tác động của EVFTA, GDP hàng năm của Việt Nam có thể tăng trưởng thêm 0,5% và xuất khẩu tăng trưởng thêm 5 – 6% (Paul Baker và cs, 2014). Sự tăng trưởng này sẽ tạo cơ hội đáng kể cho tăng trưởng trong hầu hết các lĩnh vực nói chung và trong xuất khẩu trái cây nói riêng.

Trong hơn 10 năm qua, giá trị thương mại xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và EU đã tăng gấp 5 lần trong giai đoạn 2005-2015 từ khoảng 8,2 tỷ USD vào năm 2005 lên 41,2 tỷ USD vào năm 2015, đưa EU là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Một điểm đáng ghi nhận là việc Việt Nam luôn nằm trong trạng thái xuất siêu đối với EU với mức xuất khẩu ròng sang thị trường này, đạt 30,8 tỷ USD năm 2015, tăng gấp hơn 5 lần trong vòng 11 năm. Đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản (NLTS), EU luôn là một trong hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 15% thị phần xuất

¹ Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn

khẩu, chỉ sau Trung Quốc (21%) (Uncomtrade, 2016). Trong đó, trái cây Việt Nam trong những năm gần đây liên tục mở rộng xuất khẩu sang EU và đặc biệt có nhiều cơ hội hơn khi nhóm các mặt hàng này hiện nay đã được tiếp cận nhiều thị trường khó tính như: Mỹ, Úc và Nhật Bản. Thực hiện các cam kết trong EVFTA sẽ mang lại nhiều cơ hội cho ngành trái cây Việt Nam trong việc mở rộng thị trường và kim ngạch xuất khẩu, đồng thời trái cây của Việt Nam cũng đứng trước những thách thức nhất định từ cam kết. Nghiên cứu "*Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu trái cây Việt Nam khi tham gia hiệp định EVFTA*" được thực hiện nhằm cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách và các nhà sản xuất Việt Nam về các cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu trái cây từ các cam kết trong khuôn khổ hiệp định EVFTA, từ đó đề xuất chính sách và giải pháp chuẩn bị nhằm tận dụng cơ hội và ứng phó với thách thức từ hiệp định này.

2. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này phân tích các cơ hội và thách thức đối với việc xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang thị trường EU trong khuôn khổ hiệp định EVFTA dựa trên các đánh giá về thực trạng sản xuất trái cây của Việt Nam và EU, thực trạng và tiềm năng thương mại trái cây giữa hai bên, phân tích về cam kết và đưa ra một số gợi ý chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp và nhà sản xuất Việt Nam.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Không gian: Thị trường EU (28 quốc gia) và Việt Nam.
- Thời gian: Các số liệu thứ cấp được thu thập và phân tích trong giai đoạn 2005 – 2016.
- Sản phẩm trái cây: Nghiên cứu này tập trung vào các trái cây (tươi, chế biến) mà EU có nhu cầu tiêu thụ và Việt Nam có lợi thế bao gồm: Trái cây nhiệt đới (vải, thanh long, dưa, nhãn, xoài), nhóm chuối, nhóm cây có múi (bưởi, cam, quýt).
- Một số các cam kết chính của EU trong hiệp định EVFTA: thuế quan, quy tắc xuất xứ, SPS, TBT, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động và môi trường đối với trái cây Việt Nam.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin, số liệu và tài liệu:

+ *Số liệu thống kê thứ cấp ngành trái cây*: Đã thu thập số liệu về tình hình sản xuất (năng suất, sản lượng, giá trị, quy mô), tiêu dùng và thương mại của Việt Nam và EU từ nhiều nguồn như Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan và Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại và Đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP). Trong trường hợp không đủ số liệu, nhóm nghiên cứu đã truy cập thêm các nguồn số liệu như Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), UN Comtrade và kế thừa từ một số nghiên cứu trước đây.

+ *Tài liệu nghiên cứu thứ cấp*: Đã thu thập thông tin qua tiếp cận trực tiếp với các nguồn cung cấp thông tin (Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương, Tổng cục Hải Quan), mạng lưới các chuyên gia là đối tác từ các Bộ, ngành hoặc thông qua cơ sở dữ liệu trực tuyến và các nghiên cứu đã thực hiện của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT.

+ *Các thông tin và tài liệu chính thức về các HĐTM và các cam kết*: Đã thu thập các văn bản liên quan EVFTA Trung tâm WTO Việt Nam, trang thông tin chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO), các nghiên cứu của dự án EU-MUTRAP.

+ *Lấy ý kiến chuyên gia*: Đã tham vấn một số cán bộ tham gia đàm phán ở Vụ HTQT - Bộ NN&PTNT, chuyên gia độc lập về thể chế, chính sách và mô hình phân tích định lượng Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương.

- *Phương pháp tổng hợp, phân tích và đánh giá tại bàn*:

+ *Thống kê mô tả*: Đã sử dụng các phần mềm thống kê gồm Excel, Stata để tổng hợp, phân tích số liệu nhằm: i) Mô tả tình hình sản xuất, tiêu dùng, thương mại trái cây của Việt Nam và EU; ii) cung cấp các luận chứng cho việc đánh giá tác động của các cam kết.

+ *Rà soát, phân tích cam kết và so sánh đối chiếu*: Đã tổng hợp các cam kết hiện hành theo văn bản hiệp định, so sánh với hiện trạng các quy định hiện hành trong thương mại, từ đó phân tích thay đổi dự kiến và chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với trái cây xuất khẩu Việt Nam.

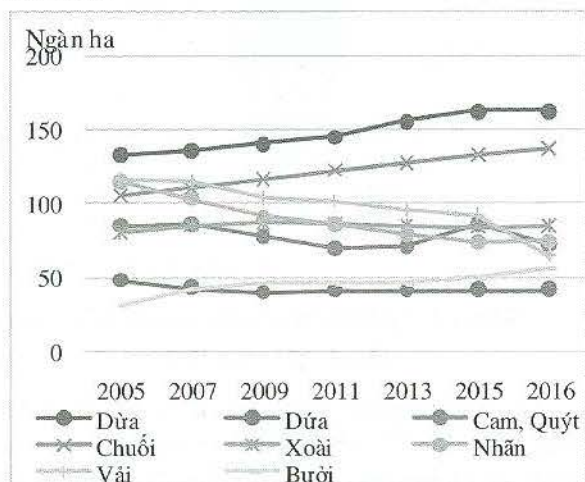
+ *Phương pháp TOWS* (Thách thức – cơ hội, điểm yếu – điểm mạnh): Nhóm nghiên cứu phân tích thách thức, cơ hội từ cam kết trong EVFTA và từ tiềm năng thương mại trái cây với EU, kết hợp với phân tích điểm yếu và điểm mạnh nội tại của ngành trái cây Việt Nam; trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp nhằm cải thiện điểm yếu, thúc đẩy điểm mạnh để tận dụng cơ hội và ứng phó với thách thức.

+ *Phỏng vấn chuyên gia*: Phương pháp này được sử dụng để kiểm chứng các nhận định trong nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các đề xuất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng sản xuất trái cây của Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU)

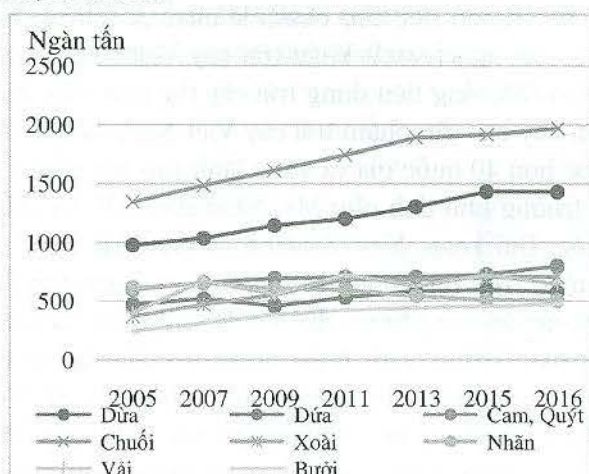
3.1.1. Thực trạng sản xuất và thương mại trái cây của Việt Nam



Hình 1. Diện tích gieo trồng một số trái cây 2005-2016

Diện tích, sản lượng trái cây Việt Nam có xu hướng tăng những năm gần đây. Diện tích cây ăn quả các loại năm 2016 đạt hơn 857,4 ngàn ha, tăng khoảng 11,7% so với năm 2005. Trong đó, chuối có diện tích lớn nhất (138 nghìn ha, chiếm 16%); tiếp theo là xoài, nhãn, cam, vải, bưởi (50 - 85 nghìn ha mỗi loại), thanh long, dứa, sầu riêng, chanh, chôm chôm (25 - 45 nghìn ha mỗi loại), mít, na/mãng cầu, quýt, ổi (10 - 20 nghìn ha mỗi loại). Trong giai đoạn 2005-2016, một số cây ăn quả có mức tăng diện tích đáng kể như dừa (2,32%/năm), chuối (2,63%) và bưởi (5,2%). Tuy nhiên, một số cây lại có xu hướng giảm như dứa (giảm 1,61%/năm), nhãn (giảm 4,91%/năm) và vải (giảm 2,56%/năm). Mặc dù vậy, sản lượng trái cây vẫn có xu hướng tăng mạnh. Sản lượng dừa tăng từ 977 ngàn tấn năm 2005 lên 1.430 ngàn tấn năm 2016, tăng thêm 46,4%, dứa tăng lên 23,3% từ 470 ngàn tấn năm 2005 lên 580 ngàn tấn năm 2016. Xu hướng tăng cũng diễn ra ở một số cây ăn quả khác như chuối, xoài và bưởi, trong đó sản lượng xoài có mức tăng lớn nhất, tăng thêm 92,3% so với năm 2005. Sản lượng tăng mạnh do năng suất cây ăn quả cả nước trong 10 năm qua đã được cải thiện đáng kể. Năng suất trung bình các loại cây ăn quả ước đạt 10 tấn/ha, trong đó năng suất dừa tăng từ gần 10 tấn/ha năm 2005 lên gần 14,2 tấn/ha năm 2016, trong khi

năng suất vải quả tăng gần gấp 2 lần, từ 4,48 tấn/ha lên 8,26 tấn/ha.



Hình 2. Sản lượng một số trái cây chính 2005-2016

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê và Cục Trồng trọt (2016).

Trái cây Việt Nam chủ yếu được sản xuất tại các tỉnh phía Nam do có điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp như ĐBSCL và Đông Nam bộ với đa dạng chủng loại. Nhiều sản phẩm có thể mạnh trong sản xuất nhóm trái cây nhiệt đới như vải thiều, chôm chôm, thanh long, xoài, nhãn, chuối, nhóm trái cây có múi (bưởi, cam, quýt), trong đó chuối có diện tích lớn nhất cả nước. Nhiều sản phẩm trái cây đã nổi tiếng gắn với các địa danh như Vải thiều ở Bắc Giang (3 huyện Lục Ngạn, Lục Nam và Lạng Giang) và Hải Dương (2 huyện Thanh Hà và Chí Linh). Chôm chôm được trồng nhiều ở các tỉnh phía Nam, lớn nhất là Đồng Nai và Bến Tre. Xoài ở Việt Nam khá đa dạng về giống, phổ biến hiện nay là xoài cát Hòa Lộc, xoài Cát Chu, xoài tượng được trồng nhiều tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (như Đồng Tháp, Tiền Giang). Với trái cây có múi, Việt Nam cũng có khá nhiều giống bưởi ngon, được người tiêu dùng đánh giá cao như bưởi Năm roi, Da xanh, Phúc Trạch, Thanh Trà, Diên, Đoan Hùng... Tuy nhiên, chỉ có bưởi Năm Roi là có sản lượng mang ý nghĩa hàng hóa lớn, sản xuất chủ yếu ở Vĩnh Long, Hậu Giang (AgroInfo, 2017). Bên cạnh đó, ở trong nước nhiều loại cam đã có chất lượng tốt, đang được mở rộng diện tích ở nhiều tỉnh như: cam Vinh, cam Cao Phong, cam Hàm Yên.

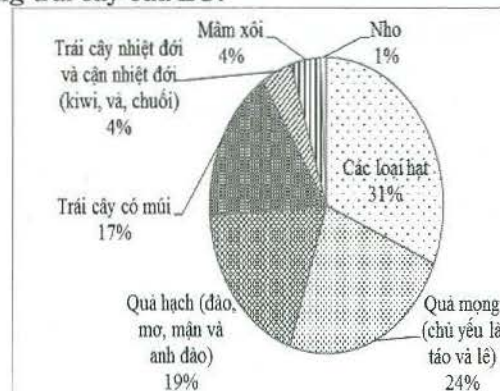
Sản xuất trái cây có sự thay đổi tích cực về sản lượng, diện tích giúp Việt Nam tăng trưởng mạnh trong xuất khẩu. Trái cây từ mặt hàng xuất khẩu hạn chế khoảng 300-400 triệu USD trước năm 2010, đến nay đã trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực với kim

ngạch năm 2017 đạt khoảng 2,8 tỷ USD, gấp 11,7 lần năm 2005, tăng trưởng bình quân 22,7 %/năm. Trong đó, thị trường tiêu thụ chính là châu Á (chiếm 85% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây Việt Nam) – nơi chiếm 68% tổng tiêu dùng trái cây thế giới. Đặc biệt, hiện nay các sản phẩm trái cây Việt Nam đã tiếp cận được hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ bao gồm các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, EU, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, New Zealand và đang rất được ưa chuộng trên thị trường thế giới do có hương vị đặc biệt, nguồn cung tương đối lớn và sản phẩm đa dạng. Đặc biệt, Trung Quốc là thị trường có nhu cầu rất lớn và có sức ảnh hưởng lớn đến đầu ra cho trái cây Việt Nam khi chiếm tới 75% lượng xuất khẩu của Việt Nam và thương mại chủ yếu qua đường tiểu ngạch. Trái cây tiếp tục sẽ là nhóm nông sản chiến lược trong tương lai, giúp nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường thế giới, đóng góp đặc lực vào tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập và cải thiện đáng kể thu nhập cho người sản xuất.

3.1.2. Thực trạng sản xuất và thương mại trái cây của EU

EU có diện tích sản xuất trái cây không lớn và chủ yếu sản xuất các loại trái cây ôn đới. Diện tích sản xuất trái cây năm 2015 là 3,2 triệu ha, chiếm 1,8% tổng diện tích đất canh tác nông nghiệp, tập trung chủ yếu các nước Tây Ban Nha (36,4%), Ý (16,3%), Ba Lan (18,8%) và Bồ Đào Nha (6,7%). Trong đó, trái cây chủ yếu là các sản phẩm ôn đới, bao gồm nho, táo, lê, các loại quả hạch (đào, mơ, mận, anh đào). Sản xuất

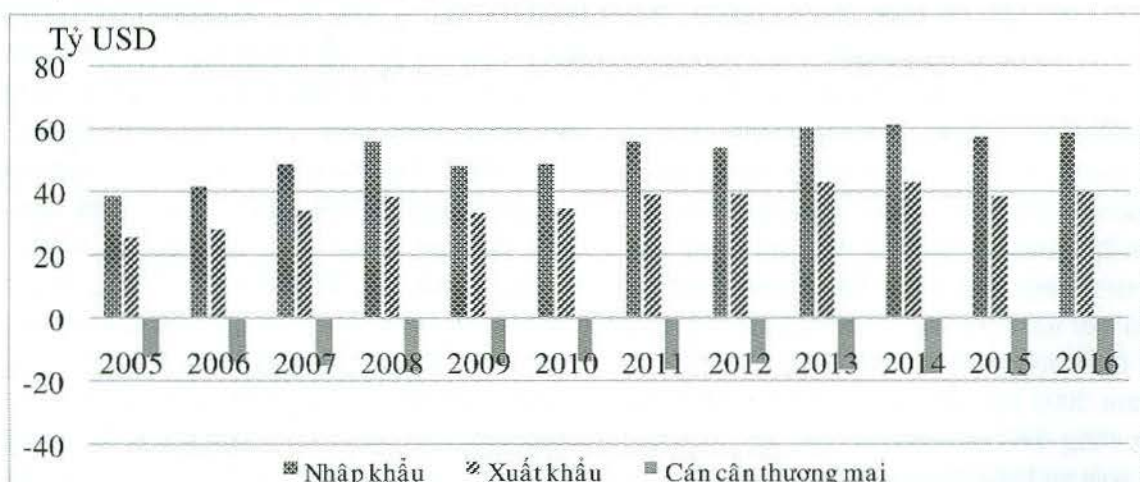
trái cây của EU đang phát triển theo hướng tăng cường diện tích sản xuất hữu cơ. Hiện nay, trái cây hữu cơ đã chiếm 2,8% số trang trại và 10,8% diện tích trồng trái cây của EU.



Nguồn: EUROSTAT – 2015

Hình 3. Tỷ lệ % diện tích của các loại trái cây chính EU năm 2015

Do thiếu nguồn cung nội khối và thị hiếu tiêu dùng thay đổi, EU nhập khẩu lượng lớn trái cây, đặc biệt là mặt hàng trái cây nhiệt đới. Trong hơn 11 năm qua, EU tăng liên tục nhập khẩu trái cây và nhập siêu mặt hàng này. Kim ngạch nhập khẩu đạt 58,7 tỷ USD năm 2016, gấp 1,5 lần so với năm 2005 và nhập siêu trên 18 tỷ USD năm 2016. Trong đó, một số mặt hàng có giá trị nhập siêu cao như chuối, trái cây nhiệt đới, trái cây có múi. Đây cũng là những mặt hàng Việt Nam đặc biệt có lợi thế, do đó rõ ràng Việt Nam – EU có tiềm năng trong phát triển thương mại trái cây.



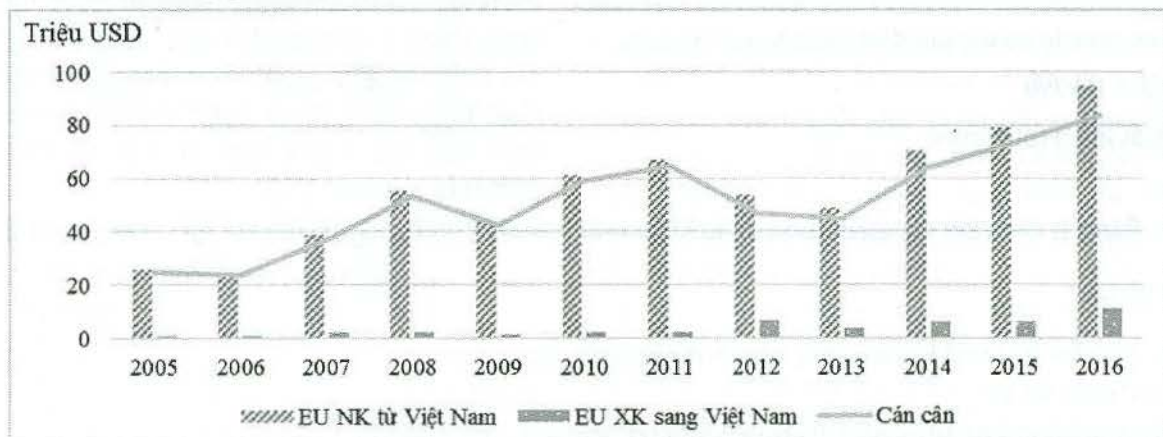
Nguồn: UN Comtrade (2017).

Hình 4. Kim ngạch xuất nhập khẩu trái cây của EU các năm 2005 – 2016

3.2. Thực trạng thương mại trái cây giữa Việt Nam – EU

Thương mại hai chiều ngành trái cây giữa Việt Nam và EU tăng trưởng liên tục với tốc độ cao, đạt bình quân 13%/năm trong giai đoạn 2005 – 2016, đạt

105,7 triệu USD năm 2016 tăng gấp gần 4 lần năm 2005. Trong đó, Việt Nam liên tục xuất siêu với quy mô ngày càng cao, với mức xuất siêu đạt 83,7 triệu USD năm 2016, tăng 3,3 lần so với năm 2005.

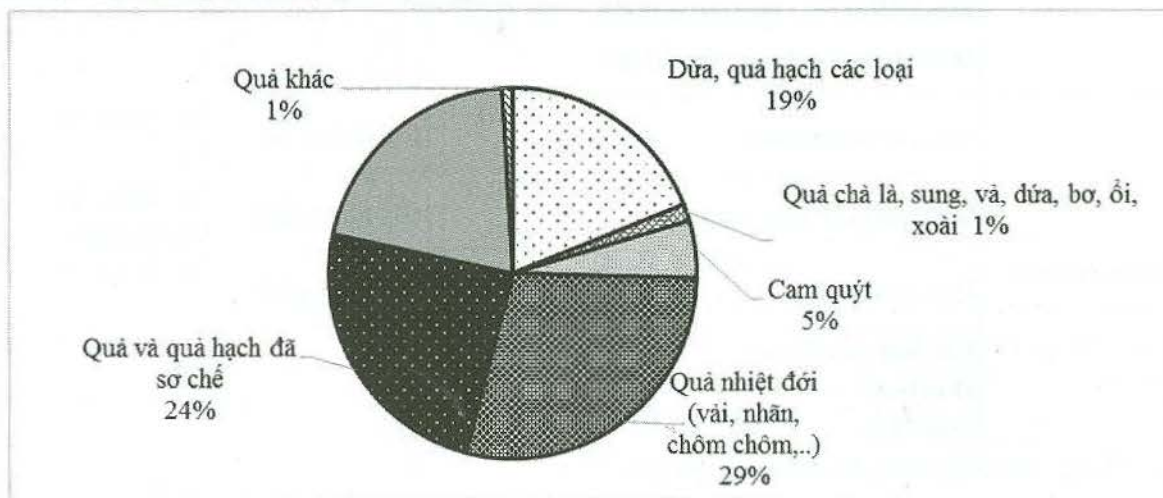


Nguồn: UN Comtrade (2017).

Hình 5. Kim ngạch xuất nhập khẩu trái cây (tươi và chế biến) của EU từ Việt Nam

Tuy nhiên, xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang EU còn chưa khai thác hết tiềm năng. EU là thị trường có nhu cầu lớn các sản phẩm trái cây mà Việt Nam lợi thế như chuối, trái cây có múi, trái cây nhiệt đới và các loại hạt, nhưng hiện nay giá trị nhập khẩu

trái cây từ Việt Nam của EU chỉ chiếm 0,11% tổng giá trị nhập khẩu trái cây của EU, cùng với đó, kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang thị trường EU cũng chỉ chiếm 5% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam ra thế giới.



Nguồn: UN Comtrade (2017).

Hình 6. Cơ cấu giá trị xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang EU năm 2016

Mặt khác, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu các nhóm trái cây nhiệt đới (thanh long, sầu riêng, nhãn, vải, chôm chôm) chiếm phần lớn (29%), nhóm quả và quả hạch đã sơ chế (24%), dừa và quả hạch (19%) trong tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang thị trường này. Các trái cây khác như chuối, nhóm xoài, dứa, măng cụt, nhóm trái cây có múi đã bắt đầu xuất khẩu sang thị trường EU, nhưng

kim ngạch không đáng kể. Điều này cho thấy trái cây Việt Nam có tiềm năng tiếp tục được mở rộng kim ngạch xuất khẩu EU.

3.3. Đánh giá cơ hội, thách thức của trái cây Việt Nam trước EVFTA

EVFTA là hiệp định thương mại thế hệ mới với mức độ hội nhập sâu rộng và toàn diện. Trong khi,

thương mại trái cây giữa Việt Nam – EU rõ ràng chưa tương xứng với tiềm năng, việc thực thi hiệp định này sẽ mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp và nhà sản xuất Việt Nam trong việc mở rộng thị trường và kim ngạch xuất khẩu và đi kèm với một số rào cản/thách thức mà doanh nghiệp và người sản xuất cần vượt qua để có thể tận dụng những cơ hội này.

3.3.1. Cơ hội

- Cắt giảm thuế quan

Khi EVFTA có hiệu lực năm 2018, EU thực hiện xóa bỏ ngay lập tức trên 87% dòng thuế các loại trái cây tươi, trái cây chế biến được loại bỏ ngay trong năm đầu tiên, trong đó có 10 dòng thuế (chiếm gần 13%) sẽ chịu thuế “giá nhập cảnh” (entry price - thuế đánh vào giá trị ghi sổ tại thời điểm giao dịch, chỉ áp dụng trong 1 khoảng thời gian nhất định, tùy thuộc vào thị trường và giá trị hợp đồng đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU) áp dụng theo thời điểm, 1 dòng thuế đối với chuối tươi từ 136 EUR/tấn về 75 EUR/tấn vào năm 2025.

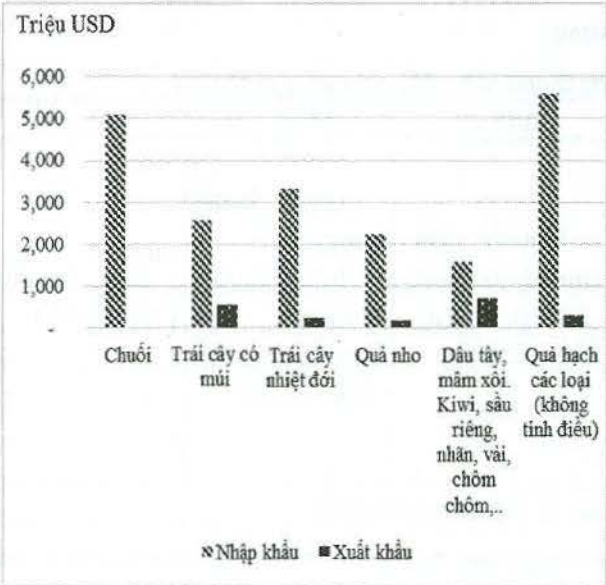
Bảng 1. Cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu một trái cây chính của EU đối với Việt Nam trong EVFTA

Sản phẩm	Thuế suất cơ sở (%)	Thuế suất cam kết cuối cùng (%)
Dừa, quả hạch Brazil và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ	0	0
Quả hạch khác, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ	0-5,6	0
Chuối, kể cả chuối lá, tươi hoặc khô	Chuối lá	16
	Loại khác	136 EUR/tấn
	Tươi	75 EUR/tấn
	Đã làm khô	16
Trái cây nhiệt đới	Quả chà là, sung, vả, dứa, bơ, sầu riêng, hồng xiêm	5,1-8,8
	Quả ổi, xoài và măng cụt tươi	0
	Xoài, ổi, măng cụt sơ chế	5,5
	Vải, chanh dây, mít, hồng xiêm (tươi, khô)	0
	Quả nhiệt đới đã sơ chế (khác)	13% + 53 EUR/tấn
Trái cây có múi	Quả cam ngọt, tươi	Giá nhập cảnh
	Quả quýt các loại; cam nhỏ	Giá nhập cảnh
	Quả chanh	Giá nhập cảnh
	Các loại cam khác	16
	Quả bưởi	2,4
	Loại khác	12,8
Sản phẩm chế biến	Quả khô từ trái cây nhiệt đới	5,5
	Mứt, thạch từ trái cây nhiệt đới	15

Nguồn: Tổng hợp từ hiệp định EVFTA

Trong đó, hầu hết các sản phẩm trái cây Việt Nam có lợi thế và có tiềm năng mở rộng thương mại như nhóm dừa, quả hạch, nhóm trái cây nhiệt đới, EU sẽ cắt giảm về 0% ngay năm đầu tiên. Riêng với nhóm trái cây có múi, thì EU áp dụng thuế “giá nhập cảnh” theo thời điểm mà EU có thể cung ứng từ các nguồn nội khối, nhóm chuối tươi cắt giảm đáng kể từ 136 EUR/tấn về 75 EUR/tấn đến năm 2025, chuối

khô cũng cắt giảm 16% về 0% ngay năm đầu tiên. Như vậy, có thể thấy dư địa thuế đối với các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam như nhóm chuối, trái cây nhiệt đới và trái cây có múi ở mức trung bình. Điều này thúc đẩy cơ hội tiếp cận thị trường EU khi mức thuế được cắt giảm trong thời gian tới khi mà nhu cầu EU là rất lớn và đang có xu hướng tăng lên.



Hình 7. Kim ngạch XNK ngoại khối một số mặt hàng trái cây của EU năm 2016

Bảng 2. Các nhóm sản phẩm có mức thương mại cao của Việt Nam

Sản phẩm	Tăng trưởng XK (2001-2016) (%/năm)	XK 2016 (tỷ USD)
Trái cây	15,9	2,2
Trái cây tươi	16,8	2,0
- Nhóm quả nhiệt đới (thanh long, sầu riêng, nhãn, vải, chôm chôm)	16,6	1,2
- Nhóm chuối	17,1	0,04
- Nhóm cây có múi	24,1	0,04
- Nhóm xoài, măng cụt	2,4	0,02
Trái cây chế biến	10,0	0,2

Nguồn: UN Comtrade (2017) và Tổng cục Thống kê.

Các cam kết phi thuế

Bên cạnh các cam kết cắt giảm thuế quan, hàng rào phi thuế quan đối với trái cây Việt Nam cũng được hạn chế tạo ra các cơ hội cho xuất khẩu trái cây Việt Nam vào thị trường EU từ các cam kết như: i) Thuận lợi hóa thương mại (công nhận tương đương, quy định linh hoạt đối với các biện pháp SPS mà EU áp dụng, minh bạch hóa các biện pháp theo cam kết SPS/TBT), ii) giảm thiểu các hàng rào kỹ thuật thương mại bất hợp lý (cam kết SPS/TBT), iii) quyền bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU theo cam kết sở hữu trí

tuệ và iv) môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và bảo hộ đầu tư (cam kết đầu tư), v.v... Hiệp định EVFTA quy định việc tăng cường hợp tác giữa hai bên về hải quan với mục đích vừa đảm bảo kiểm soát hải quan vừa tạo thuận lợi cho thương mại, giảm thiểu chi phí liên quan cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu (công khai, minh bạch quy định và thủ tục hành chính, có đầu mối cung cấp thông tin, các khoản phí và lệ phí ở mức hợp lý, khuyến khích hải quan một cửa). Từ đó, các bên dễ dàng tiếp cận thông tin và thực hiện các thủ tục thương mại với các chi phí ở mức hợp lý. Việt Nam và EU phải thực hiện thuận lợi và tăng cường thương mại song phương bằng cách cân nhắc kỹ lưỡng trong quá trình áp dụng các hàng rào phi thuế về SPS và TBT đối với thương mại giữa hai bên, hạn chế các hàng rào thương mại bất hợp lý và phải minh bạch hóa quá trình xây dựng và áp dụng. Bên cạnh đó, cam kết đầu tư đang mở ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp tham gia đầu tư ra nước ngoài cũng như thu hút doanh nghiệp EU đầu tư vào lĩnh vực chế biến trái cây xuất khẩu sang EU. Theo cam kết, hai bên cam kết sẽ dành sự đối xử công bằng, bình đẳng, bảo hộ an toàn và đầy đủ các khoản đầu tư và nhà đầu tư của nhau. Thêm vào đó, EU cam kết hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam trong quá trình thực hiện cam kết. Các điều kiện cam kết này sẽ thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại và đầu tư nói chung và đối với trái cây nói riêng của Việt Nam và EU.

Thách thức

Thách thức lớn nhất là đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm không chỉ của EU mà còn của các quốc gia đích đến. EU là một thành viên của hiệp định SPS và TBT như các nước thành viên khác và mọi quốc gia thành viên EU đều là thành viên tích cực của Ủy ban An toàn lương thực vì thế hầu hết các quy chuẩn của EU đều tuân thủ hiệp định SPS và TBT trong khuôn khổ WTO. Tuy nhiên, nhiều biện pháp của EU quy định tiêu chuẩn cao hơn các hiệp định của WTO và EU cũng áp dụng nguyên tắc thận trọng cho phép sử dụng biện pháp khẩn cấp mà không cần đợi có chứng cứ khoa học. Ngoài ra, sản phẩm nhập khẩu còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn SPS, TBT cao hơn nữa của từng thị trường cụ thể trong khối EU. Ví dụ ngoài 50 tiêu chuẩn chung thì trái cây vào Đức đáp ứng thêm 5 tiêu chuẩn bổ sung (Bảng 3). Mặt khác, đối với

từng nhà nhập khẩu cụ thể sẽ có đặt ra các yêu cầu bổ sung.

Bảng 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật EU và một số nước thành viên đối với rau quả chung

EU	Đức + 5	Bỉ +2	Anh +3	Pháp +2	Hà Lan +1
Khối EU áp dụng 50 tiêu chuẩn chung	- German QS-System - International Featured Standards (IFS) - Tiêu chuẩn cho đóng gói và tái chế bao bì GLOBALG.A.P FSSC 22000	-Belgian Certus -FSSC 22000	- British BRC Global Standard - GLOBALGAP FSSC 22000	- French Label Rouge - International Featured Standards (IFS) - FSSC 22000	- Safe Quality Food (SQF)
50 Tiêu chuẩn tiếp thị cho rau quả (UNECE standards)					

Nguồn: Báo cáo “The EU fruit and Vegetables sector: Overview and post 2013 CAP perspective” và <http://ec.europa.eu> (truy cập ngày 5/1/2018).

Ngoài ra, từ hiệp định EVFTA, trái cây Việt Nam xuất khẩu sang EU cũng đối mặt với một số thách thức khác như cam kết nguồn gốc xuất xứ, cam kết môi trường, lao động, v.v... Để đảm bảo quy tắc nguồn gốc xuất xứ nhằm hưởng ưu đãi về thuế quan và chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, các doanh nghiệp cũng phải thực hiện lưu trữ chứng từ chứng minh phức tạp hơn và trong thời gian dài đối với cả quá trình sản xuất, thu gom và sơ chế, chế biến đến xuất khẩu. Điều này khá lưu ý với nhà sản xuất và doanh nghiệp Việt Nam để được hưởng ưu đãi do trước đây vấn đề này ít được chú trọng. Một ví dụ điển hình cho khó khăn với những cam kết này là mặt hàng thủy sản, ngày 23-10-2017, Cộng đồng chung châu Âu đã chính thức rút “thẻ vàng” đối với hải sản Việt Nam do khai thác bất hợp pháp, không được báo cáo và không được quản lý. Tuy mới chỉ là hình thức cảnh cáo, chưa đi kèm các biện pháp trừng phạt nhưng đó là cảnh báo đối với xuất khẩu nông sản chung của Việt Nam sang EU.

Trên thực tế, EU là một thị trường khó tính về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật, do đó sản phẩm xuất khẩu vào thị trường này phải tuân thủ nhiều quy định của luật pháp và tiêu chuẩn của người mua EU. EU đặt ra mức dư lượng tối đa với thuốc trừ sâu (MRLs) trong và trên thực phẩm, yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với thực phẩm, cấm các chất lây nhiễm đưa vào thực phẩm có thể do quá trình sản xuất, đóng gói và vận chuyển. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các MRLs và ngăn ngừa vi khuẩn lây nhiễm là điều kiện tiên quyết để tiếp cận được vào thị trường EU. Bên cạnh đó, sản phẩm phải đáp ứng trải qua

quá trình kiểm dịch thực vật để ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan các sinh vật gây hại cho thực vật và sản phẩm thực vật ở EU, qua quá trình kiểm tra các chất lây nhiễm và được cấp chứng nhận. Khi đánh giá về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của Việt Nam sang EU, trái cây tươi được xếp vào nhóm có nguy cơ cao và trái cây chế biến thì có nguy cơ thấp (Nguyễn Hữu Đạt, 2017).

Thêm vào đó, người tiêu dùng EU ngày càng quan tâm hơn tới những tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe của sản phẩm thay vì giá cả với các yêu cầu như sản xuất hữu cơ, không dùng phụ gia, sử dụng bao bì thân thiện với môi trường, truy xuất được nguồn gốc xuất xứ, v.v... Các sản phẩm đưa ra thị trường cần cung cấp đầy đủ thông tin về nơi sản xuất, nguồn nguyên liệu, tiêu chuẩn và quy trình sản xuất chính. Với cam kết lao động, EU yêu cầu việc cấm sử dụng lao động trẻ em trong chuỗi sản xuất, đồng thời các nhà sản xuất và doanh nghiệp phải đảm bảo các trách nhiệm xã hội với người lao động (quyền lợi, điều kiện lao động). Hiện nay, người tiêu dùng EU đang bày tỏ thái độ rõ ràng hơn với trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp về môi trường và các vấn đề về lao động. Ví dụ, người dân Hà Lan sẵn lòng mua một sản phẩm có giá cao hơn 20% nếu doanh nghiệp đó thực hiện tốt trách nhiệm xã hội (Tư Minh Thiện, 2014) và từ chối sử dụng các sản phẩm của các công ty gây hại cho môi trường, xã hội.

Trong khi đó, sản xuất và tiêu thụ trái cây trong nước của Việt Nam chưa thực sự chú trọng các khâu đảm bảo các yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn với khối lượng hàng hóa lớn và chưa xây

dùng được thương hiệu riêng. Đến năm 2014, trái cây đạt tiêu chuẩn GAP chỉ chiếm 1,47% diện tích, 1,98% sản lượng trái cây cả nước (AgroInfo, 2017), diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP không đáng kể. Nhiều loại trái cây được bảo hộ chỉ dẫn địa lý (23 sản phẩm, chiếm 47% trong tổng số 49 sản phẩm quốc gia được bảo hộ CDĐL) như vải thiều Lục Ngạn, nhãn lồng Hưng Yên, xoài cát Hòa Lộc, v.v... nhưng chưa khai thác hết lợi thế và chưa thực hiện các thủ tục để yêu cầu EU công nhận để bảo hộ CDĐL tại EU. Việc sản xuất đã bắt đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung nhưng chưa hình thành vùng sản xuất theo tiêu chuẩn và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với số lượng hàng hóa lớn. Tổ chức sản xuất theo các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác còn hạn chế và thiếu liên kết đầu ra ổn định với các doanh nghiệp xuất khẩu. Việc thu hái, lựa chọn, bảo quản trái cây hiện nay chủ yếu vẫn là thủ công nên chất lượng thấp. Năng lực trong khâu chế biến, bảo quản sau thu hoạch còn yếu, hệ thống phân phối manh mún và tự phát. Hệ thống hậu cần logistic còn yếu kém, hạn chế xuất khẩu sang EU. Do đó, tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch lớn, chất lượng thấp, giá thành cao. Thông tin thị trường chưa được cung cấp chính xác và kịp thời cho các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành hàng. Phần lớn hộ nông dân trồng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long chỉ dựa vào thông tin thị trường từ người thương lái và vựa trái cây trong vùng. Quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm yếu. Mặt khác, các vấn đề lao động và môi trường trong chuỗi giá trị sản xuất nông sản nói chung và trái cây nói riêng chưa thực sự được quan tâm và kiểm soát chặt chẽ. Đây là những điểm yếu và thách thức làm hạn khả năng tiếp cận thị trường EU và tận dụng được các cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế và hiệp định EVFTA.

3.4. Một số gợi ý chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và nhà sản xuất

Trong điều kiện EVFTA có hiệu lực đã đến gần và với lộ trình trong vòng 10 năm thực hiện toàn bộ cam kết được thực thi, Việt Nam cần phải chủ động, sẵn sàng nắm bắt cơ hội và hạn chế thách thức từ EVFTA đối trái cây xuất khẩu. Từ kết quả nghiên cứu trên, một số gợi ý chính sách được đưa ra gồm:

3.4.1. Chính sách chung

Thứ nhất, Việt Nam cần thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư theo hướng minh bạch hóa, thuận lợi hóa thương mại và hài quan theo cam

kết. *Thứ hai*, Nhà nước cần xây dựng và minh bạch hệ thống thông tin về thương mại, thường xuyên cập nhật để doanh nghiệp và người sản xuất có thể tiếp cận, tính toán, xác định và dự báo nhu cầu thị trường thế giới và thị trường EU. *Thứ ba*, cần xây dựng và nâng dần các tiêu chuẩn sản xuất bắt buộc, tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức người sản xuất về kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật đối với trái cây trong nước. *Thứ tư*, Nhà nước quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất tập trung phục vụ cho các sản phẩm chủ lực phục vụ xuất khẩu thị trường EU, khuyến khích và đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP và sản xuất hữu cơ đảm bảo đón đầu xu thế tiêu dùng của EU. *Thứ năm*, Nhà nước hỗ trợ đầu tư, xây dựng các trung tâm phân tích chất lượng, phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ở cả ba miền tạo thuận lợi cho việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước xuất khẩu. *Thứ sáu*, thực hiện rà soát, sửa đổi các chính sách hỗ trợ và đơn giản hóa quy trình tiếp cận chính sách doanh nghiệp và người sản xuất Việt Nam (Quyết định số 62, 68, Nghị định 210, v.v...); ưu tiên chính sách cho sản xuất theo hướng an toàn, sản xuất theo tiêu chuẩn. *Thứ bảy*, Bộ Nông nghiệp và PTNT thúc đẩy vai trò của Cục Chế biến và Phát triển thị trường trong việc: i) xây dựng định hướng xuất khẩu trái cây sang EU; ii) đề xuất và xây dựng các giải pháp và chính sách chế biến, logistic, xúc tiến thị trường nông sản và thúc đẩy xuất khẩu sang EU, iii) theo dõi và cập nhật kịp thời thông tin thị trường các nước và EU đồng thời phổ biến cho doanh nghiệp và các nhà sản xuất; iv) cập nhật và hướng dẫn doanh nghiệp và người sản xuất về chính sách, về thị trường về rào cản và tiêu chuẩn thị trường.

3.4.2. Chính sách hỗ trợ DN và nhà sản xuất trong nước tiếp cận thị trường EU

Thứ nhất, tăng cường rà soát, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các thông tin (nhu cầu, thị hiếu, tiêu chuẩn SPS/TBT, tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn xã hội, v.v...) chung của EU, tiêu chuẩn từng nước trong khối EU để hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển thị trường. *Thứ hai*, tiếp tục cải cách thể chế và tự do hóa thị trường các yếu tố đầu vào như lao động, vốn, đất đai tạo điều kiện doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư vào ngành trái cây. *Thứ ba*, tăng cường và cải thiện chất lượng xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp trong nước với thị trường EU, phát triển thương hiệu quốc gia. *Thứ tư*, thúc

đẩy vai trò hiệp hội ngành hàng nhằm gắn kết các doanh nghiệp, là đầu mối kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước với khách hàng, nhà đầu tư, nhà cung cấp các sản phẩm đạt tiêu chuẩn châu Âu. *Thứ năm*, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của doanh nghiệp ở nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AgroInfo, 2017. Thực trạng và phương hướng phát triển sản xuất các loại cây ăn trái đến năm 2015. Báo cáo nghiên cứu.

2. Cục Trồng trọt, 2016. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ ngành trồng trọt năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

3. Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2016. Nâng cao giá trị gia tăng ngành hàng rau quả Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, 4/2016.

4. Paul Baker, David Vanzetti, Phạm Thị Lan Hương và cộng sự, 2014. Đánh giá tác động dài hạn của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU. Báo cáo nghiên cứu thuộc Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại và Đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP).

5. Gaetana Petriccione và cộng sự, 2011. Báo cáo “*The EU fruit and Vegetables sector: Overview and post 2013 CAP perspective*”

6. Từ Minh Thiện, 2014. Tài liệu Hội thảo “Những tác động kinh doanh và giải pháp công nghệ cao hỗ trợ doanh nghiệp thủy sản vượt qua những khó khăn liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm”. Báo doanh nhân Sài Gòn.

POTENTIAL OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM'S FRUIT EXPORT FROM THE FREE TRADE AGREEMENT BETWEEN VIETNAM AND THE EUROPEAN UNION (EVFTA)

Dang Kim Khoi¹, Le Thi Ha Lien¹, Bui Thi Viet Anh¹, Pham Duc Thinh¹

¹*Center for Agricultural Policy under Institute of Policy and Strategy for Agriculture and Rural Development*

Summary

During the 2016-2017 period, Vietnam's fruit sector had made remarkable breakthroughs in contributing to the fruit and vegetable sector to surpass rice and oil sectors for the first time in terms of export turnover (around 3.5 billion US\$). However, Vietnam's fruit export still depends on Chinese market (75%) - a precarious, risky and low value market. Meanwhile, the European Union (EU) is a large potential market with a big demand for tropical fruits, banana and citrus fruits, but now the value of Vietnam's exports to this market is still low, about 5% of total turnover. Vietnam-EU Free Trade Agreement (EVFTA) is a new-generation free trade agreement the ultimate target of facilitating bilateral business and investment activities between Vietnam and EU. Although it is expected to create many opportunities, this FTA may also bring a number of challenges for Vietnamese fruit export. Each year, EU imports a large volume of tropical fruits that Vietnam has advantage of production, but Vietnam's current export volume to this market is still low and Vietnam's exporters have not fully exploited the potential of this market. Cutting tariff and non-tariff barriers under EVFTA will create opportunities to expand Vietnam's export of tropical fruits to EU market. However, Vietnamese fruits will also face with great challenges from technical barriers in terms of quality, rule of origin and traceability, labor and environmental requirements, etc. Using the methods of literature review, descriptive statistics analysis and impact assessments together with expert consultation, this research points out potential opportunities and challenges for Vietnam's fruit export to this market. Besides, the paper also gives some policy recommendations for businesses, policy makers and producers to grasp the opportunities and overcome the challenges caused by this FTA to boost Vietnamese fruit export to EU in the coming time.

Keywords: *Fruit export, EVFTA, opportunities, challenges.*

Người phản biện: TS. Đào Thế Anh

Ngày nhận bài: 18/12/2017

Ngày thông qua phản biện: 19/01/2018

Ngày duyệt đăng: 26/01/2018